

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP.HCM

TS.HỒ VĂN LIÊN

BÀI GIẢNG
GIÁO DỤC HỌC ĐẠI CƯƠNG

TP.HCM, 2009

Chương 1

GIÁO DỤC LÀ MỘT KHOA HỌC

I. GIÁO DỤC LÀ MỘT HIỆN TƯỢNG XÃ HỘI ĐẶC BIỆT

1. Giáo dục là nhu cầu tồn tại và phát triển của xã hội loài người

Ngay từ khi xuất hiện trên trái đất, để tồn tại con người phải tiến hành hoạt động lao động. Trong lao động và trong cuộc sống hàng ngày con người tiến hành nhận thức thế giới xung quanh, dần dần *tích lũy* được một kho tàng kinh nghiệm phong phú bao gồm các tri thức, kỹ năng, kỹ xảo cùng những giá trị văn hóa xã hội như các chuẩn mực về đạo đức, niềm tin, các dạng hoạt động giao lưu của con người trong xã hội... Để duy trì sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người, con người có nhu cầu trao đổi và *truyền thụ* lại những kinh nghiệm đã tích lũy ấy cho nhau. Sự truyền thụ và tiếp thu hệ thống kinh nghiệm đó chính là hiện tượng giáo dục.

Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt vì chỉ có trong xã hội loài người giáo dục mới nảy sinh, phát triển và tồn tại vĩnh hằng. Lúc đầu giáo dục xuất hiện như một hiện tượng *tự phát*, diễn ra theo lối quan sát, bắt chước ngay trong quá trình lao động (săn bắt, hái lượm, chăn nuôi, trồng trọt...). Về sau giáo dục trở thành một hoạt động *tự giác có tổ chức, có mục đích*, nội dung và phương pháp... của con người. Xã hội loài người ngày càng biến đổi, phát triển, giáo dục cũng phát triển và trở thành một hoạt động được *tổ chức chuyên biệt*: có chương trình, kế hoạch, có nội dung, phương pháp khoa học... Như vậy, giáo dục là *hoạt động truyền thụ và lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử – xã hội từ thế hệ trước cho thế hệ sau nhằm chuẩn bị cho thế hệ sau tham gia lao động sản xuất và đời sống xã hội*.

Một quy luật của sự tiến bộ xã hội là *thế hệ trước* phải *truyền lại* cho *thế hệ sau* những hiểu biết, năng lực, phẩm chất cần thiết cho cuộc sống của mỗi cá nhân, gia đình, cộng đồng. Thế hệ sau không chỉ *lĩnh hội, kế thừa* các tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, giá trị... mà còn phải tìm tòi, sáng tạo và làm phong phú hơn những giá trị đó. Nhờ lĩnh hội, tiếp thu, phát triển những kinh nghiệm mà mỗi *cá nhân* hình thành và phát triển nhân cách của mình. Nhân cách mỗi người được phát triển ngày càng đầy đủ, phong phú, đa dạng, sức mạnh về tinh thần và thể chất của mỗi con người được phát huy sẽ tạo nên nguồn lực cơ bản đáp ứng các yêu cầu phát triển xã hội trong những giai đoạn lịch sử cụ thể. Như vậy, sự truyền thụ và lĩnh hội những kinh nghiệm được tích lũy trong quá trình phát triển xã hội loài người chính là nét đặc trưng cơ bản của giáo dục với tư cách là một hiện tượng xã hội đặc biệt. Giáo dục là hoạt động có ý thức, có mục đích của con người, là hệ thống các tác động nhằm làm cho người học nắm được hệ thống các giá trị văn hoá của loài người và tổ chức cho người học sáng tạo thêm những giá trị văn hoá đó. Giáo dục làm nhiệm vụ *chuyển giao* những tinh hoa văn hoá, đạo đức, thẩm mỹ... của nhân loại cho thế hệ sau, là cơ sở giúp các thế hệ sau nối tiếp nhau sáng tạo, nâng cao những gì mà nhân loại đã học được. Cho nên có thể coi giáo dục như một kiểu *di truyền xã hội* – giáo dục *thực hiện cơ chế di sản xã hội*: là cơ chế *truyền đạt* và *lĩnh hội* kinh nghiệm đã được tích lũy trong quá trình phát triển của xã hội loài người. Chúng ta có thể thấy nếu không có cơ chế di sản xã hội - không có giáo dục thì loài người không tồn tại với tư cách loài người, không có tiến bộ xã hội, không có học vấn, không có văn hoá, văn minh. Vì vậy, bất kỳ xã hội nào muốn tồn tại và phát triển được đều phải tổ chức và thực hiện hoạt động giáo dục liên tục đối với các thế hệ con người. Giáo dục là nhu cầu tất yếu của xã hội loài người và sự xuất hiện hiện tượng giáo dục trong xã hội là một tất yếu lịch sử.

Tóm lại, giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt chỉ có trong xã hội loài người, giáo dục nảy sinh, biến đổi và phát triển cùng với sự nảy sinh, biến đổi và phát triển của xã hội loài người. Bản chất của hiện tượng giáo dục là sự truyền thụ và lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử – xã hội của các

thể hệ loài người, *chức năng trọng yếu của giáo dục đối với xã hội là hình thành và phát triển nhân cách con người*. Với ý nghĩa đó giáo dục là nhu cầu không thể thiếu được cho sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người.

2. Các tính chất cơ bản của giáo dục

2.1. Tính phổ biến và vĩnh hằng

Giáo dục hiện diện trong tất cả các chế độ, các giai đoạn lịch sử của nhân loại, không hoàn toàn lệ thuộc vào tính chất, cơ cấu xã hội như thế nào. Trong bất kì một chế độ xã hội hay một giai đoạn lịch sử nào thì *mục đích của giáo dục* vẫn là chăm sóc, dạy dỗ, đào tạo con người, là truyền thụ một cách có ý thức cho thế hệ trẻ những kinh nghiệm xã hội, những giá trị văn hoá, tinh thần của loài người và dân tộc, làm cho thế hệ trẻ có khả năng tham gia mọi mặt vào cuộc sống xã hội. Vì vậy giáo dục tồn tại và phát triển mãi cùng với sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người.

2.2. Tính nhân văn

Giá trị nhân văn là những giá trị chung đảm bảo cho sự sống, tồn tại và phát triển chung của mọi người, mọi dân tộc, quốc gia trên trái đất, là những giá trị vì con người, cho con người, những giá trị vì sự sống hôm nay và ngày mai. Giáo dục luôn phản ánh những giá trị nhân văn – giá trị văn hóa, đạo đức, thẩm mỹ chung nhất của nhân loại và những nét bản sắc văn hóa truyền thống của từng dân tộc, từng quốc gia. Giáo dục luôn hướng con người đến những cái hay, cái đẹp, cái tốt, phát huy những yếu tố tích cực trong mỗi con người nhằm phát triển và hoàn thiện nhân cách mỗi người.

2.3. Tính xã hội - lịch sử

Trong suốt quá trình tồn tại và phát triển, giáo dục có mối liên hệ có tính quy luật với trình độ phát triển của xã hội, thể hiện tính qui định của xã hội đối với giáo dục. Giáo dục nảy sinh trên cơ sở kinh tế – xã hội nhất định, do đó tính chất, mục đích, nhiệm vụ, nội dung của một nền giáo dục bao giờ cũng chịu sự quy định của các quá trình xã hội trong xã hội đó. Lịch sử phát triển của xã hội loài người đã trải qua các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau, do đó các nền giáo dục tương ứng cũng khác nhau. Khi những quá trình xã hội biến đổi, bắt nguồn từ những biến đổi về trình độ sức sản xuất, tính chất của quan hệ sản xuất xã hội kéo theo những biến đổi về chính trị - xã hội, cấu trúc xã hội, hệ tư tưởng xã hội thì toàn bộ hệ thống giáo dục tương ứng với hình thái kinh tế - xã hội đó cũng phải biến đổi theo. Chẳng hạn, lịch sử loài người đã phát triển qua 5 giai đoạn và có 5 nền giáo dục tương ứng với 5 giai đoạn phát triển của xã hội, đó là nền giáo dục công xã nguyên thủy, nền giáo dục chiếm hữu nô lệ, nền giáo dục phong kiến, nền giáo dục tư bản chủ nghĩa và nền giáo dục xã hội chủ nghĩa.

Ngay trong một xã hội nhất định, ở mỗi thời kỳ lịch sử cụ thể, giáo dục mang những tính chất và hình thái cụ thể khác nhau. Mục đích, nội dung, phương pháp giáo dục, hình thức tổ chức giáo dục, chính sách giáo dục... tại một giai đoạn phát triển của xã hội luôn chịu sự qui định bởi các điều kiện xã hội ở giai đoạn xã hội ấy. Vì vậy trong quá trình phát triển của giáo dục luôn diễn ra việc cải cách, đổi mới giáo dục nhằm làm cho nền giáo dục đáp ứng ngày càng cao những yêu cầu phát triển của thực tiễn xã hội trong từng giai đoạn nhất định.

Từ tính chất này của giáo dục có thể thấy giáo dục “không nhất thành bất biến”; việc sao chép nguyên bản mô hình giáo dục của một nước này cho một nước khác, giai đoạn này cho giai đoạn khác là một việc làm phản khoa học. Những cải tiến, thay đổi, điều chỉnh, cải cách giáo dục qua từng thời kỳ phát triển xã hội là một tất yếu khách quan.

2.4. Tính giai cấp

Trong xã hội có giai cấp, giáo dục bao giờ cũng mang tính giai cấp – đó là một tính qui luật quan trọng trong việc xây dựng và phát triển giáo dục. Tính giai cấp của giáo dục là sự phản ánh lợi

ích của giai cấp đó trong các hoạt động giáo dục, thể hiện giáo cho ai? Giáo dục nhằm mục đích gì? Giáo dục cái gì? và giáo dục ở đâu?... Trong xã hội có giai cấp, giáo dục là một phương thức đấu tranh giai cấp, nhà trường là công cụ của chuyên chính giai cấp, hoạt động giáo dục cũng như môi trường nhà trường là một trận địa đấu tranh giai cấp. Tính giai cấp của giáo dục thể hiện trong toàn bộ hệ thống giáo dục và trong toàn bộ hoạt động của nhà trường, từ mục đích giáo dục, nội dung giáo dục đến phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục...

Trong xã hội có giai cấp đối kháng thì giai cấp thống trị bao giờ cũng dành độc quyền về giáo dục và dùng giáo dục làm công cụ, phương thức truyền bá tư tưởng, duy trì vị trí xã hội, củng cố nền thống trị và sự bóc lột của nó đối với nhân dân lao động. Do đó toàn bộ nền giáo dục từ mục đích, nội dung, phương pháp giáo dục đến việc tổ chức các kiểu học, các loại trường và việc tuyển chọn người học, người dạy... đều nhằm phục vụ cho mục đích và quyền lợi của giai cấp thống trị xã hội. Nền giáo dục trong xã hội có giai cấp đối kháng mang tính chất bất bình đẳng, phản dân chủ rõ rệt và tính chất phát triển phiến diện trong việc đào tạo con người.

Nền giáo dục Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền giáo dục mang tính dân chủ, tính nhân đạo sâu sắc, hướng vào việc phát triển toàn diện và hài hoà nhân cách của mọi thành viên trong xã hội. Nhà trường của chúng ta là công cụ của chuyên chính vô sản theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nên mục tiêu chung của giáo dục là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước; tạo cơ hội và điều kiện cho mọi người đều được học tập, được phát triển toàn diện về nhân cách và trở thành người công dân, người lao động sáng tạo, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển đất nước giàu mạnh.

3. Các chức năng xã hội cơ bản của giáo dục

Trong quá trình tồn tại và phát triển, giáo dục và xã hội có một mối quan hệ ràng buộc, tất yếu, hữu cơ mang tính quy luật. Chính sự phát triển của mối quan hệ đó làm cho xã hội và giáo dục đều phát triển. Đặc biệt trong thời đại ngày nay giáo dục được xem không chỉ là sản phẩm của xã hội mà đã trở thành nhân tố tích cực - động lực thúc đẩy sự phát triển của xã hội loài người.

3.1. Chức năng kinh tế – sản xuất

Xã hội loài người muốn tồn tại và phát triển thì phải có việc thế hệ đi trước truyền lại những kinh nghiệm lịch sử - xã hội cho thế hệ đi sau để họ tham gia vào đời sống xã hội, phát triển sản xuất, thoả mãn ngày càng cao nhu cầu của con người. Công việc đó do giáo dục đảm nhận. Bất kỳ một nước nào muốn phát triển kinh tế, sản xuất thì phải có đủ nhân lực và nhân lực phải có chất lượng cao. Nhân lực là lực lượng lao động của xã hội, là đội ngũ những người lao động đang làm việc trong tất cả các ngành nghề, các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội... đảm bảo cho xã hội vận động và phát triển đúng quy luật.

Chức năng kinh tế - sản xuất của giáo dục thể hiện tập trung nhất thông qua việc *đào tạo nhân lực*. Cụ thể là giáo dục đào tạo những người lao động có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất nhân cách cao, giáo dục *tạo ra sức lao động mới* một cách khéo léo, tinh xảo, hiệu quả để vừa thay thế sức lao động cũ bị mất đi, vừa tạo ra sức lao động mới cao hơn, góp phần tăng năng suất lao động, đẩy mạnh sản xuất phát triển kinh tế – xã hội. Chính giáo dục đã *tái sản xuất sức lao động* xã hội, tạo ra lực lượng trực tiếp sản xuất và quản lý xã hội với trình độ, năng lực cao. Giáo dục giúp cho mọi thành viên trong xã hội các cơ hội được mở mang trí tuệ, trau dồi nhân cách, phát triển các sức mạnh tinh thần và thể chất để vươn lên làm chủ trong lao động, trong cuộc sống cộng đồng.... Khi mọi thành viên của xã hội đều được tiếp nhận một nền giáo dục đúng đắn thì xã hội thực sự được tái sản xuất sức lao động với chất lượng cao hơn. Người lao động, do kết quả đào tạo của nhà trường sẽ được phát triển hài hòa các năng lực chung và riêng và do đó xã hội sẽ được tăng thêm sức

lao động mới thay thế sức lao động cũ bị mất đi. Sức lao động mới có chất lượng hơn sẽ đem lại năng suất lao động nhiều hơn.

Đặc biệt trong xã hội hiện đại, khi trình độ phát triển của nền kinh tế là do trình độ của con người được giáo dục và đào tạo ra quyết định thì vai trò của giáo dục càng được khẳng định. Trong nền kinh tế thị trường, *nguồn nhân lực* còn được gọi là *nguồn vốn nhân lực* (cùng với nguồn vốn tài nguyên, nguồn vốn sản xuất và nguồn vốn khoa học – công nghệ) với *tư cách là một nhân tố tăng trưởng kinh tế*. Trong các nguồn vốn thì vốn nhân lực được coi quan trọng nhất bởi lẽ nó không đơn thuần là một nguồn vốn mà nó còn giữ vai trò chủ thể đối với các nguồn vốn khác, nó quyết định khả năng khai thác và hiệu quả sử dụng các nguồn vốn khác. Theo lý thuyết tăng trưởng kinh tế hiện đại, tỉ lệ tăng GDP phụ thuộc vào tốc độ tăng của các yếu tố đầu vào: *nhân lực, vốn sản xuất, tài nguyên, khoa học – công nghệ* và hiệu quả sử dụng chúng. Tuy nhiên những nghiên cứu của các nhà kinh tế học, quản lý xã hội và quản lý kinh tế đã thừa nhận vốn và kỹ thuật chỉ góp một phần nhỏ vào tăng trưởng kinh tế, còn phần rất quan trọng của “sản phẩm thặng dư” gắn liền với chất lượng nguồn nhân lực (trình độ được giáo dục về thể lực, trí lực, tâm lực). Vai trò của nhân lực ở chỗ, trước hết nó là một đầu vào của tăng trưởng GDP, sau nữa nó còn có ý nghĩa quyết định đối với tỷ lệ tăng của các nguồn lực khác.

Như vậy, với chức năng kinh tế - sản xuất giáo dục là động lực chính thúc đẩy nền kinh tế phát triển và giáo dục phải đi trước sự phát triển kinh tế - xã hội. Khi nền khoa học và công nghệ đạt đến trình độ phát triển cao, nhu cầu xã hội đa dạng, người lao động phải là những người có trình độ học vấn cao, có kiến thức rộng, có tay nghề vững, có tính năng động, sáng tạo... thì giáo dục phải đào tạo nhân lực một cách có hệ thống, chính qui ở trình độ cao.

3.2. Chức năng chính trị – xã hội

Bên cạnh chức năng tái sản xuất sức lao động xã hội, giáo dục còn mang *chức năng chính trị - xã hội*. Giáo dục không đứng ngoài chính trị mà nó là phương thức tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối, chính sách... của một chế độ chính trị, giai cấp hay chính đảng cầm quyền. Giáo dục trực tiếp truyền bá hệ tư tưởng chính trị, đường lối chính sách của giai cấp nắm quyền và trực tiếp đào tạo chuẩn bị cho thế hệ trẻ tham gia vào cuộc sống, bảo vệ chế độ chính trị, xã hội đương thời.

Xã hội nào cũng có cấu trúc của nó – đó là một tổng thể, một tập hợp bao gồm các bộ phận, các yếu tố tạo thành xã hội như cộng đồng xã hội, dân tộc, giai cấp, tầng lớp, nhóm xã hội.v.v... đã được hình thành một cách lịch sử – tự nhiên, tất yếu khách quan trong những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định. Giáo dục tác động đến cấu trúc xã hội là tác động đến tập hợp các bộ phận xã hội và tính chất của các mối quan hệ giữa các bộ phận đó. Trong xã hội phong kiến, giáo dục góp phần không nhỏ trong việc khoét sâu thêm sự phân chia giai cấp, xây dựng một cấu trúc xã hội mang tính chất giai cấp và đẳng cấp rõ rệt. Những chính sách giáo dục phân biệt, bất bình đẳng trong xã hội phong kiến đã duy trì vị trí đối kháng giữa các đẳng cấp và giai tầng xã hội. Giáo dục xã hội chủ nghĩa góp phần làm cho cấu trúc xã hội trở nên thuần nhất hơn bằng cách xóa bỏ sự phân chia giai cấp và làm cho các tầng lớp xích lại gần nhau. Nền Giáo dục xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền giáo dục “của dân, do dân, vì dân”, nền giáo dục bình đẳng cho tất cả mọi người, giáo dục góp phần nâng cao trình độ học vấn chung đã làm cho các tầng lớp xã hội được xích lại gần nhau. Nhờ đó, trong xã hội ta các tầng lớp xã hội tuy khác nhau về lợi ích xã hội, về tính chất và trình độ xã hội, về hoạt động và phát triển xã hội, song cùng đoàn kết, hợp tác đấu tranh xây dựng xã hội nhằm đạt tới mục tiêu chung: “*dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*”.

3.3. Chức năng tư tưởng – văn hóa

Giáo dục có tác dụng to lớn đến việc xây dựng một hệ tư tưởng chi phối toàn xã hội, hình thành ở mỗi cá nhân thế giới quan, tư tưởng chính trị, ý thức, tình cảm và hành vi đạo đức phù hợp với các chuẩn mực xã hội. “Nền giáo dục Việt Nam là nền giáo dục xã hội chủ nghĩa có tính nhân dân, dân tộc, khoa học, hiện đại, lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng” (Điều 3, chương I, Luật giáo dục 2005). Nền giáo dục Việt Nam phải phục vụ mục đích chính trị tốt đẹp và tư tưởng cao quý của Đảng Cộng sản Việt Nam, hướng tới mục tiêu xây dựng và phát triển đất nước giàu mạnh.

Giáo dục là quá trình truyền đạt và lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử – xã hội của các thế hệ, quá trình này giúp cho mỗi cá nhân tích lũy kiến thức, mở mang trí tuệ, hình thành và nâng cao trình độ văn hóa, đạo đức, thẩm mỹ cho mỗi cá nhân và cho toàn xã hội. Một quốc gia giàu mạnh là một quốc gia có nền kinh tế vững mạnh, khoa học công nghệ tiên tiến, chính trị bền vững và trình độ dân trí cao. Giáo dục góp phần xây dựng và nâng cao trình độ dân trí – trình độ văn hóa chung cho toàn xã hội. Nền giáo dục không chỉ hướng vào việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực mà còn hướng vào quá trình phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

Giáo dục không chỉ thực hiện sứ mệnh lịch sử là chuyển tải nền văn hóa của thế hệ này cho thế hệ kia mà còn là phương thức đặc trưng cơ bản để bảo tồn và phát triển nền văn hóa của dân tộc và nhân loại. Giáo dục bảo tồn, phát triển nền văn hóa dân tộc và nhân loại thông qua các con đường giáo dục, trong đó dạy học là con đường cơ bản nhất. Thông qua các con đường giáo dục học sinh không chỉ biết gìn giữ mà còn có khả năng làm phong phú, sáng tạo thêm những giá trị văn hóa, những loại hình văn hóa đa dạng, đậm đà bản sắc dân tộc...

Tóm lại, thông qua ba chức năng xã hội, giáo dục đã góp phần vào sự phát triển của xã hội, đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao về sự phát triển của lực lượng sản xuất, quan hệ xã hội, ý thức xã hội... Đặc biệt, trong thời đại ngày nay, giáo dục được quan niệm không chỉ là một bộ phận thuộc kiến trúc thượng tầng, mà nó còn là một bộ phận thuộc hạ tầng cơ sở, “*Giáo dục không chỉ là sự phản ánh đơn thuần các lực lượng kinh tế và xã hội đang hoạt động trong một xã hội. Nó còn là một phương tiện quan trọng để cấu thành các lực lượng kinh tế - xã hội và văn hóa và quyết định chiều hướng phát triển của các lực lượng này. Đến lượt mình động lực của các lực lượng này lại tác động đến đặc điểm của giáo dục. Do vậy, có một mối quan hệ vòng tròn trong mối quan hệ qua lại giữa giáo dục và một loạt các nhân tố xã hội và con người khác*”. (Raja Roy Singh). Thế giới coi giáo dục là động lực cơ bản, là đòn bẩy mạnh mẽ, là điều kiện tiên quyết thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Đảng CSVN khẳng định phát triển giáo dục là “quốc sách hàng đầu” và “đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển bền vững nhất”.

II. ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA GIÁO DỤC HỌC

Trước khi nghiên cứu bất kỳ một khoa học nào, muốn có một hướng đi đúng đắn trong quá trình lĩnh hội hệ thống tri thức của khoa học đó, cần phải nhận thức được đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của khoa học đó.

1. Đối tượng nghiên cứu của Giáo dục học

1.1. Vài nét về sự ra đời và phát triển của Giáo dục học

Giáo dục với tư cách là một hiện tượng xã hội xuất hiện cùng với sự xuất hiện của xã hội loài người. Giáo dục học với tư cách là một khoa học về giáo dục con người lại được hình thành muộn hơn nhiều. Những công trình nghiên cứu cho thấy Giáo dục học ra đời khi giáo dục đóng một vai trò rõ rệt trong cuộc sống xã hội và xã hội có nhu cầu tổng kết những kinh nghiệm giáo dục, đặc biệt là nhu cầu xây dựng những cơ quan chuyên biệt phụ trách việc chuẩn bị một cách có kế hoạch cho thế hệ trẻ đi vào cuộc sống. Điều này đã được chứng minh trong lịch sử phát triển của Giáo dục học:

- Thực tiễn tổ chức và tiến hành quá trình giáo dục đã làm nảy sinh những kinh nghiệm giáo dục. Những kinh nghiệm giáo dục (đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục đạo đức, lao động, thẩm mỹ và giáo dục gia đình) đã được ghi lại trong kho tàng văn hóa dân gian: ca dao, tục ngữ, truyền thuyết, truyện kể...

- Từ thời kỳ cổ đại, những kinh nghiệm giáo dục đã bắt đầu được tổng kết, song dưới dạng những tư tưởng giáo dục. Những tư tưởng giáo dục này được hình thành với những tư tưởng triết học và được trình bày trong những hệ thống triết học của Xôcrát (469 – 399 TCN), Đêmocrit (460 – 370 TCN), Aristôt (384 – 322 TCN), Khổng tử (551 – 479 TCN) v.v...

- Đến cuối thế kỷ XIV, đầu thế kỷ XV, khi mầm mống của Chủ nghĩa tư bản xuất hiện, nhân loại bước vào thời kỳ Phục Hưng. Theo các nhà nghiên cứu thì chính bước quá độ từ chế độ Phong kiến qua Chủ nghĩa tư bản đã làm xuất hiện những hệ thống tri thức mới, trong đó có nhiều khoa học tách ra khỏi Triết học, trong đó có Giáo dục học... Đầu thế kỷ thứ XVII, Giáo dục học với tư cách là một khoa học được tách ra từ Triết học và trở thành một khoa học độc lập gắn liền với tên tuổi của J. A. Cômênxki (1592–1670) – nhà giáo dục người Sec vĩ đại với tác phẩm lớn nhất của ông: *“Phép giảng dạy vĩ đại”*.

- Tiếp đó, nhiều nhà lịch sử tư tưởng giáo dục tiếp tục góp phần phát triển Giáo dục học như là một khoa học độc lập: J. Lôccơ (1632 – 1701) – nhà triết học Anh; các nhà giáo dục Pháp như: J.J.Rút xô(1712 – 1778), Đ.Đidơrô (1713-1784), nhà giáo dục Thụy sĩ J.G.Pextalôgi (1746-1827), nhà giáo dục Đức F. Đixtervec (1790-1866), nhà giáo dục Nga K.D. Usinxki (1824-1870)... Đến giữa thế kỷ XIX với sự xuất hiện của học thuyết Mac – Lênin về giáo dục thì Giáo dục học đã thực sự trở thành một khoa học về giáo dục con người, có cơ sở phương pháp luận đúng đắn và vững chắc.

Như vậy, Giáo dục học đã được hình thành và phát triển qua một quá trình lịch sử lâu dài: từ chỗ là một bộ phận của Triết học đến chỗ trở thành một khoa học độc lập; từ chỗ dựa trên những tư tưởng giáo dục đến chỗ xây dựng được hệ thống lý luận ngày càng phong phú, đa dạng; từ chỗ chưa có đầy đủ cơ sở khoa học đến chỗ thực sự là một khoa học dựa trên phương pháp luận Mác xít. Giáo dục học là một khoa học với đầy đủ 4 tiêu chí:

- Đối tượng nghiên cứu
- Nhiệm vụ nghiên cứu
- Phương pháp nghiên cứu
- Hệ thống khái niệm, phạm trù, lý thuyết, giả thuyết khoa học...

1.2. Đối tượng nghiên cứu của Giáo dục học

Có rất nhiều khoa học nghiên cứu về con người, Giáo dục học nghiên cứu lĩnh vực nào về con người? Giáo dục học là một khoa học về việc giáo dục con người. Nó có *đối tượng nghiên cứu là bản chất, qui luật của hoạt động giáo dục con người, mục đích, mục tiêu giáo dục, nội dung, phương pháp, phương tiện và các hình thức tổ chức giáo dục con người một cách hiệu quả nhằm đáp ứng yêu cầu xã hội trong những giai đoạn lịch sử nhất định.*

Việc giáo dục con người diễn ra theo qui luật trong quá trình giáo dục (có mở đầu, diễn biến, kết thúc) hay hoạt động giáo dục (có chủ thể, đối tượng). Ở đây chúng ta tiếp cận giáo dục với tư cách là một hoạt động giáo dục. Hoạt động giáo dục (HĐGD) – đối tượng nghiên cứu của Giáo dục học được hiểu với hàm nghĩa rộng, bao gồm toàn bộ các tác động giáo dục được định hướng theo mục đích xác định, được tổ chức một cách hợp lý, khoa học nhằm hình thành và phát triển nhân cách con người.

Giáo dục với tư cách là một hoạt động xã hội nên nó có những *đặc trưng chung* như: tính định hướng, độ lâu về thời gian, là một dạng vận động và phát triển liên tục, kế tiếp của các trạng thái,

vận động do tác động của những điều kiện bên trong và bên ngoài, tuân theo những qui luật khách quan vốn có của nó và biểu hiện thông qua hoạt động của con người... Tuy nhiên hoạt động giáo dục có những *đặc trưng chủ yếu, riêng biệt*:

- HĐGD là một hoạt động có mục đích, có tổ chức, có kế hoạch hợp lý, khoa học hướng vào việc hình thành và phát triển toàn diện nhân cách con người theo những mục đích và điều kiện do xã hội qui định ở những giai đoạn lịch sử nhất định.

- HĐGD luôn có sự tương tác và phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa hoạt động của nhà giáo dục (người dạy) và hoạt động của người được giáo dục (người học), trong đó nhà giáo dục giữ vai trò chủ đạo và người được giáo dục là chủ thể hoạt động độc lập sáng tạo. Mỗi quan hệ giữa nhà giáo dục và người được giáo dục trong HĐGD là một mối quan hệ xã hội đặc biệt – quan hệ giáo dục.

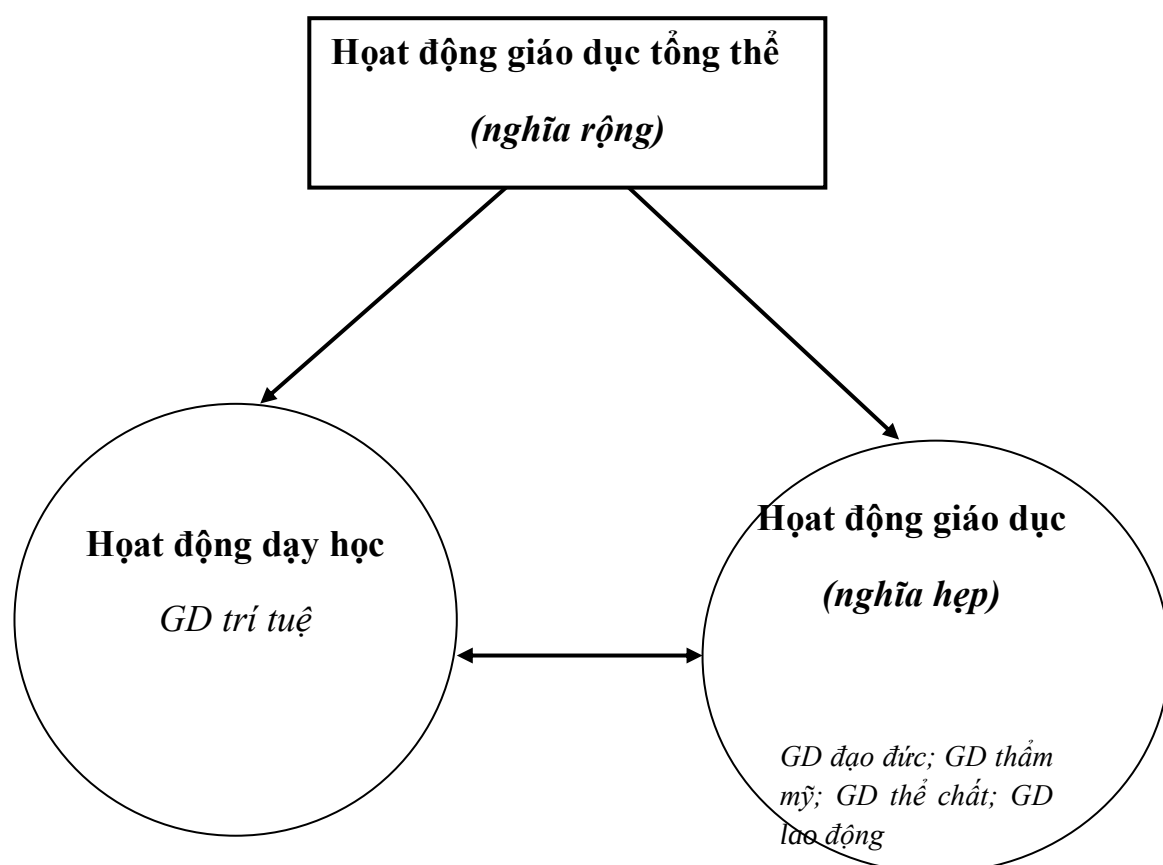
- HĐGD là một dạng vận động và phát triển liên tục của các hiện tượng, các tình huống dạy học và giáo dục, các *loại hình hoạt động, giao lưu* của người được giáo dục... được nhà giáo dục tổ chức, hướng dẫn thực hiện theo những qui trình nhất định.

- HĐGD (theo nghĩa rộng) hay hoạt động sư phạm bao gồm hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục (theo nghĩa hẹp). Các hoạt động này phản ánh những qui luật chung của hoạt động giáo dục tổng thể, nhưng chúng cũng phản ánh các qui luật đặc thù riêng của từng hoạt động cụ thể.

- HĐGD có mối quan hệ chặt chẽ với các hoạt động xã hội khác...

HĐGD tổng thể là một hệ thống lớn (vĩ mô) bao gồm những hệ thống nhỏ (vi mô) là những *hoạt động giáo dục bộ phận*: hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục (theo nghĩa hẹp). Những hoạt động bộ phận này thống nhất với nhau, có mối quan hệ mật thiết, hỗ trợ nhau và có thể thâm nhập vào nhau, nhưng chúng không phải đồng nhất mà có tính độc lập tương đối của nó. Hoạt động dạy học với *chức năng trội* là trau dồi học vấn, truyền thụ và lĩnh hội hệ thống tri thức khoa học, kỹ năng, kỹ xảo nhận thức và thực hành cho người học. Hoạt động giáo dục (theo nghĩa hẹp) với *chức năng trội* là hình thành, phát triển thế giới quan khoa học, những phẩm chất đạo đức, pháp luật, lao động, thẩm mỹ, thái độ, tính cách, thói quen... cho người được giáo dục. Hai hoạt động này gắn bó chặt chẽ với nhau: dạy học phải đi đến giáo dục và giáo dục dựa trên cơ sở dạy học, thúc đẩy dạy học.

Sau đây là sơ đồ về cấu trúc tổng thể của hoạt động giáo dục:



Hoạt động giáo dục tổng thể cũng như mỗi hoạt động giáo dục bộ phận đều là các hệ thống và được tạo thành bởi các *nhân tố* sau:

- *Chủ thể giáo dục*: Nhà giáo dục là chủ thể đóng vai trò chủ đạo trong hoạt động giáo dục. Chủ thể giáo dục cũng chính là người được giáo dục.

- *Khách thể giáo dục*: Người được giáo dục vừa là đối tượng giáo dục vừa là chủ thể tự giáo dục.

- *Mục đích, nhiệm vụ giáo dục*

Mục đích giáo dục là mẫu nhân cách con người mà giáo dục cần đào tạo đáp ứng yêu cầu của xã hội trong từng giai đoạn phát triển của xã hội. Đây là nhân tố hàng đầu của hoạt động giáo dục định hướng cho sự vận động và phát triển của toàn bộ hoạt động giáo dục. Để thực hiện tốt mục đích này, giáo dục phải thực hiện các nhiệm vụ giáo dục: giáo dục trí tuệ, giáo dục đạo đức, giáo dục thẩm mỹ, giáo dục thể chất, giáo dục lao động. Các nhiệm vụ giáo dục có mối quan hệ biện chứng với nhau.

- *Nội dung giáo dục*

Nội dung giáo dục là hệ thống những kinh nghiệm xã hội được chọn lọc trong kho tàng kinh nghiệm của nhân loại, tạo nên nội dung hoạt động thống nhất cho nhà giáo dục và người được giáo dục nhằm đạt được mục đích giáo dục đã định.

- *Phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức giáo dục*

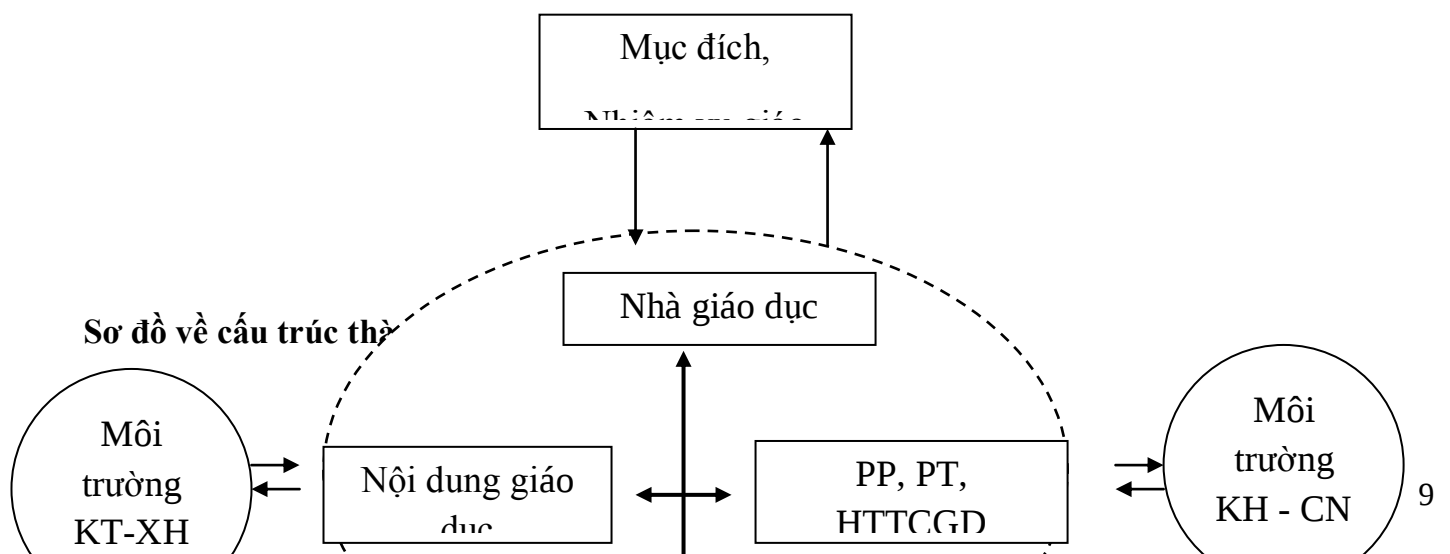
Phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức giáo dục là cách thức, phương tiện, hình thức hoạt động của nhà giáo dục và người được giáo dục nhằm thực hiện những nhiệm vụ giáo dục và đạt tới mục đích giáo dục đã định.

- *Kết quả giáo dục*

Kết quả giáo dục là kết quả tổng hợp của toàn bộ hoạt động giáo dục nhưng thể hiện tập trung nhất ở mức độ phát triển nhân cách của người được giáo dục sau mỗi hoạt động giáo dục nhất định

- Tham gia vào hoạt động giáo dục còn có những *điều kiện giáo dục bên ngoài* (môi trường KT – XH và KH – CN...), *những điều kiện bên trong* (môi trường sư phạm).

Những nhân tố của HĐGD có *mối quan hệ* thống nhất, tác động biện chứng với nhau đồng thời những nhân tố này còn có mối quan hệ mật thiết, biện chứng với môi trường bên ngoài và môi trường bên trong. Khi một nhân tố thay đổi sẽ kéo theo sự thay đổi của các nhân tố khác.



2. Nhiệm vụ nghiên cứu của Giáo dục học

- Nghiên cứu bản chất của giáo dục và mối quan hệ giữa giáo dục với các bộ phận khác của xã hội.

- Nghiên cứu các qui luật của giáo dục.

- Nghiên cứu các nhân tố của HĐGD (mục đích, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức giáo dục...). Từ đó tìm tòi con đường nâng cao chất lượng và hiệu quả HĐGD.

Cùng với sự phát triển và đổi mới giáo dục, nhiều vấn đề mới trong thực tiễn nảy sinh, đòi hỏi sự đáp ứng của Giáo dục học trong giai đoạn mới. Vì vậy nhiệm vụ của Giáo dục học còn thể hiện ở việc giải quyết những vấn đề sau:

- Nghiên cứu và hoàn thiện những vấn đề thuộc phạm trù phương pháp luận khoa học giáo dục.

- Nghiên cứu góp phần giải quyết mâu thuẫn lớn giữa yêu cầu vừa phải phát triển nhanh qui mô giáo dục, vừa phải nâng cao chất lượng trong khi khả năng và điều kiện đáp ứng yêu cầu còn nhiều hạn chế.

- Nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn giáo dục trong nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục trong những điều kiện mới...

- Các vấn đề trong hệ thống giáo dục quốc dân, trong quản lý giáo dục và đào tạo...

3. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu Giáo dục học

3.1. Phương pháp luận nghiên cứu Giáo dục học

Phương pháp luận nghiên cứu khoa học là lý thuyết về phương pháp nhận thức khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu Giáo dục học là lý thuyết về phương pháp nghiên cứu các hiện tượng giáo dục nhằm phát hiện ra bản chất và qui luật của chúng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Những quan điểm phương pháp luận còn được gọi là quan điểm tiếp cận đối tượng nghiên cứu hay phương pháp tiếp cận. Những quan điểm phương pháp luận nghiên cứu Giáo dục học là “kim chỉ nam” định hướng, dẫn dắt nhà nghiên cứu trên con đường tìm tòi, sáng tạo. Trong nghiên cứu Giáo dục học có những quan điểm phương pháp luận sau đây:

- *Quan điểm hệ thống - cấu trúc*

Quan điểm này đòi hỏi trong quá trình nghiên cứu phải xem xét đối tượng một cách toàn diện, nhiều mặt, nhiều chiều, nhiều mối quan hệ khác nhau và trong trạng thái vận động, phát triển của chúng, từ đó tìm ra bản chất và qui luật vận động của đối tượng nghiên cứu.

- *Quan điểm lịch sử - logic*